

....., ngày... ..tháng. ...năm 20...

Số Hợp đồng:									
--------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH
SỐ: ...

CHÚNG TÔI GỒM CÓ:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):	<Tên Doanh Nghiệp>		
Người đại diện:	<họ tên>	Ngày, tháng, năm sinh:	
Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu hoặc Mã số định danh cá nhân.		Ngày cấp:	
		Nơi Cấp:	
Chức vụ:			
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):			
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số:	Cấp ngày	tại	
Địa chỉ:			
Mã số thuế:			
Điện thoại:			
Tài khoản số:	Mở tại:		
Đại diện liên hệ:			
về cước phí:	<họ tên>	Email:	Số điện thoại:
về kỹ thuật:	<họ tên>	Email:	Số điện thoại:
<Dành cho cá nhân>			
Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):	<họ tên>		
Ngày, tháng, năm sinh:			
Địa chỉ:			
Chứng minh nhân dân;			Ngày cấp :

Căn cước công dân; Hộ chiếu hoặc Mã số định danh cá nhân.	Nơi cấp:	
Điện thoại liên hệ:		
Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):	CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT	
Người đại diện:		
Chức vụ:		
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):		
Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số:		
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số:	0305793402 cấp ngày 22/5/2008 tại Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội	
Địa chỉ:		
Mã số thuế:		
Điện thoại:		
Tài khoản số:		Mở tại:

Căn cứ theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ điện thoại số <SGVO.....>, ký ngày ... / ... / 20..... giữa Hai Bên (sau đây gọi là “Hợp đồng”). Hôm nay, Bên A và Bên B cùng thống nhất nội dung sau:

ĐIỀU 1: DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ

STT	Dịch vụ	Số đăng ký	Địa chỉ lắp đặt	Phí khởi tạo Dịch vụ (VNĐ)
1	Điện thoại cố định			
Tổng				
VAT 10%				
Tổng giá trị				
(Bằng chữ:)				

ĐIỀU 2: CÁC DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG MIỄN PHÍ (PHỤ THUỘC THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI CỦA KHÁCH HÀNG)

STT	Tên Dịch vụ	STT	Tên Dịch vụ
1	Từ chối cuộc gọi nặc danh, từ chối một nhóm cuộc gọi	11	Tạo các nhóm (profile) cho từng số điện thoại

2	Chuyển cuộc gọi vào một số máy khác trong trường hợp bận máy, không có tín hiệu trả lời,...	12	Tự động trả lời và chuyển cuộc gọi đến các máy nhánh
3	Cho phép cuộc gọi thứ hai chờ trong khi đang nghe cuộc gọi một và hiển thị thông tin ở máy người dùng	13	Thiết lập một phiên hội nghị bằng cách sử dụng phím chức năng tổng đài hội nghị
4	Hiện tên người gọi trên máy điện thoại nhận	14	Thiết lập cuộc gọi hội nghị khi người tham gia gọi đến một số điện thoại đã định trước
5	Truy tìm cuộc gọi	15	Giữ cuộc gọi, trong trường hợp có hai cuộc gọi cùng lúc
6	Dịch vụ chống làm phiền, khi bật tính năng này, các cuộc gọi đến sẽ bị chặn lại	16	Cho phép người dùng tạm ngưng thoại trên một máy và tiếp tục thoại trên một máy khác
7	Giới hạn thời gian gọi	17	Chuyển đàm thoại đang diễn ra tới một số máy khác
8	Gọi ba bên, ba người cùng nói chuyện một lúc	18	Cấu hình cho phép thực hiện các cuộc gọi nhanh
9	Chặn hướng gọi theo yêu cầu	19	Cho phép gọi vào trực tiếp tới một máy và bỏ qua lời chào
10	Nhóm các số thành một số duy nhất đại diện	20	Cho phép gọi ra trực tiếp

ĐIỀU 3: CƯỚC DỊCH VỤ

Bảng giá cước Dịch vụ: Giá cước Dịch vụ được thực hiện theo quy định của Nhà nước hoặc do Bên B xây dựng trên cơ sở các quy định quản lý Nhà nước về giá cước viễn thông và được công bố tại website: fpt.vn. Bên B có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới Bên A trong trường hợp có thay đổi về giá cước Dịch vụ theo đúng quy định tại Khoản 2.4 của Hợp đồng.

Cách thức tính cước: Đoạn 6 giây + 1 giây.

3.1. Phí thuê bao cố định hàng tháng:

Kể từ thời điểm ký Hợp đồng và Bên B bàn giao Dịch vụ cho Bên A, hàng tháng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B một mức cước phí như sau:

Loại cước phí	Đơn giá
Phí thuê bao cố định	20.000 VNĐ/đầu số
Cước dịch vụ gia tăng:/tháng

3.2. Dịch vụ hướng trong nước:

Loại Dịch vụ		Giá cước (Đơn vị: VNĐ/phút)
Cố định nội hạt	Nội hạt	
Cố định liên tỉnh	Liên tỉnh nội mạng	

	Liên tỉnh khác mạng	
Di động	Di động trong nước	

3.3. Dịch vụ hướng quốc tế:

Không cho phép thực hiện các cuộc gọi đi quốc tế.

Bên A có nhu cầu và Bên B đồng ý cung cấp kết nối dịch vụ gọi đi hướng quốc tế cho các đầu số điện thoại Bên A đăng ký trên Phụ lục này. Cụ thể các hướng gọi đi quốc tế như bảng sau (đánh dấu “x” vào ô nằm trong cột Nhóm đối với nhóm mã vùng mà Bên A có nhu cầu kết nối):

Nhóm	Tên nước	Mã nước	Giá cước/phút	Nhóm	Tên nước	Mã nước	Giá cước/phút
<input type="checkbox"/> Nhóm I	USA	1	1.650	<input type="checkbox"/> Nhóm III	Angola	244	3.240
	Australia	61			Bhutan	975	
	Bangladesh	880			Brazil	55	
	Brunei	673			Czech Republic	420	
	Cambodia	855			Denmark	45	
	Canada	1			France	33	
	China	86			Germany	49	
	Cyprus	357			Greece Athens	30	
	Hong Kong	852			Italy	39	
	India	91			Netherlands	31	
	South Korea	82			New Zealand	64	
	Laos	856			Philippines	63	
	Malaysia	60			Poland	48	
	Russia	7			Qatar	974	
	Singapore	65			Saudi Arabia	966	
Taiwan	886	South Africa	27				
Thailand	66	Spain	34				
<input type="checkbox"/> Nhóm II	Argentina	54	2.550	<input type="checkbox"/> Nhóm IV	UK	44	4.320
	Chile	56			United Arab	971	
	Egypt	20			Venezuela	58	
	Finland	358			SWITZERLAND	41	
	Indonesia	62			AUSTRIA	43	
	Iran	98			BELGIUM	32	
	Japan	81			Iceland	354	

	Pakistan	92	
	Sri Lanka	94	
	Sweden	46	
	Uganda	256	
	Ukraine	380	

	IRELAND	353	
	ISRAEL	972	
	NORWAY	47	
	SLOVAK REPUBLIC	421	

Nhóm mã Quốc Tế bổ sung theo yêu cầu Bên A <nếu có>

Nhóm	Tên nước	Mã nước	Mã khu vực/Dịch vụ	Giá cước/phút
<input type="checkbox"/> Nhóm V				

Ghi chú: Đơn giá cước phí nêu trên được tính bằng đơn vị tiền Việt Nam Đồng và CHƯA bao gồm 10% VAT. Trường hợp Bên A có nhu cầu mở thêm các hướng gọi quốc tế ngoài phạm vi bảng kê trên, Bên A sẽ thông báo cho Bên B để thỏa thuận cụ thể bằng văn bản trước khi áp dụng.

3.4. Chiết khấu <nếu có>

Bên B chiết khấu cho Bên A một phần lưu lượng cước theo tỷ lệ như sau (Giá trị tính chiết khấu là giá trị cước trước thuế VAT):

Tổng cước hàng tháng	Phần trăm chiết khấu
...	...

ĐIỀU 4: YÊU CẦU CAM KẾT TRIỂN KHAI

- Bên A cấu hình hiển thị số trên tổng đài theo đúng đầu số đã đăng ký với Bên B. Trường hợp Bên A cấu hình những đầu số không nằm trong danh sách đã ký kết với Bên B, thì Bên B sẽ ngắt một phần hoặc toàn bộ dịch vụ, Bên A sẽ chịu toàn bộ thiệt hại và chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng về các vấn đề này nếu có bất kỳ phát sinh liên quan nào xảy ra trừ trường hợp không do lỗi của Bên A.
- Bên A phải đảm bảo các thuê bao đầu cuối phải được cài đặt đúng vị trí địa lý thuê bao, có thông tin doanh nghiệp sử dụng và địa chỉ chi tiết theo vị trí cài đặt theo thuê bao đó. Bên A phải chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng về các vấn đề này nếu có bất kỳ phát sinh liên quan nào xảy ra trừ trường hợp không do lỗi của Bên A.
- Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo thuê bao địa phương nào được triển khai đúng vị trí địa lý của địa phương đó như nêu tại Điều 1 của Phụ lục này.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và hiệu lực kể từ ngày ký.
- Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký và ghi rõ họ tên)